

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả kỳ tuyển dụng viên chức
ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (đợt 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Huyện về tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện về thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (đợt 2);

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022(đợt 2) tại Tờ trình số 2008/TTr-HĐTDVC ngày 29 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả của 90 thí sinh tham dự kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (đợt 2), có 75 thí sinh trúng tuyển và 15 thí sinh không trúng tuyển (*danh sách đính kèm*).

Điều 2. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thông báo kết quả đến từng thí sinh có tên trong danh sách nêu trên theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách đính kèm Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Huyện: CT, các PCT;
- VP.HĐND&UBND Huyện: CVP, TH(L);
- Lưu: VT, PNV,t.

CHỦ TỊCH



Triệu Đỗ Hồng Phước



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KY TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2022 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 2863 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện)

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
1	Phạm Thị Mỹ	An	11	06	12	1992	X	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non			90.0	90.0	Trúng tuyển
2	Phạm Lâm Bảo	Nhi	10	07	08	2000	X	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non			85.0	85.0	Trúng tuyển
3	Phạm Thị Mỹ	Loan	9	04	02	1996	X	Trường Mầm non Hoa Lan	Giáo viên mầm non			77.0	77.0	Không trúng tuyển
4	Trần Thị Kim	Hoa	5	29	12	1994	x	Trường Mầm non Họa Mĩ	Giáo viên mầm non			83.3	83.3	Trúng tuyển
5	Phạm Thị Huỳnh	Như	3	15	9	2000	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non			90.0	90.0	Trúng tuyển
6	Nguyễn Hoàng Kim	Tiên	4	24	6	1996	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non			88.3	88.3	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
7	Nguyễn Thị Phụng	Kiều	2	30	3	1993	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non			83.3	83.3	Trúng tuyển
8	Lê Thị Hồng	Hoa	1	28	5	1990	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non			69.0	69.0	Trúng tuyển
9	Nguyễn Thị Kim	Huệ	14	25	4	1996	x	Trường Mầm non Mạ Non	Giáo viên mầm non			80.0	80.0	Trúng tuyển
10	Nguyễn Việt	Trinh	12	24	8	1994	x	Trường Mầm non Mạ Non	Giáo viên mầm non			69.3	69.3	Trúng tuyển
11	Trần Ngọc Kim	Châu	13	27	4	1996	x	Trường Mầm non Mạ Non	Giáo viên mầm non			50.0	50.0	Không trúng tuyển
12	Phạm Thị Cẩm	Nhung	15	2	6	1985	x	Trường Mầm non Mạ Non	Kế toán			75.0	75.0	Trúng tuyển
13	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	8	15	01	1998	x	Trường Mầm non Vàng Anh	Giáo viên mầm non			80.0	80.0	Trúng tuyển
14	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	7	01	11	1998	x	Trường Mầm non Vàng Anh	Giáo viên mầm non			75.0	75.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
15	Trương Nguyễn Thảo	Trâm	6	16	06	1993	x	Trường Mầm non Vàng Anh	Văn thư			86.0	86.0	Trúng tuyển
16	Nguyễn Thị	Thảo	25	17	09	1998	x	Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Giáo viên dạy nhiều môn			89.0	89.0	Trúng tuyển
17	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	24	16	03	1983	x	Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Thư viện; Thư viện, thiết bị	ĐT2	5	75.0	80.0	Trúng tuyển
18	Trần Ngọc Khánh	Hoàn	27	22	8	2000	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Giáo viên dạy nhiều môn			70.0	70.0	Trúng tuyển
19	Đào Thị Xuân	Lan	28	24	1	1979	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Kế toán			70.0	70.0	Trúng tuyển
20	Trần Thị Ngọc	Đào	29	30	1	1985	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Thư viện; Thư viện, thiết bị			80.0	80.0	Trúng tuyển
21	Võ Thị Thu	Hiếu	30	3	9	1982	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Văn thư			69.7	69.7	Trúng tuyển
22	Nguyễn Hồng	Cầm	33	16	03	1997	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn			66.0	66.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
23	Nguyễn Thị	Bích	32	06	04	1991	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn			65.0	65.0	Trúng tuyển
24	Nguyễn Phương	Quan	31	05	03	1981		Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn			40.0	40.0	Không trúng tuyển
25	Trần Ngọc Anh	Thư	34	24	08	1998	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Thư viện; Thư viện, thiết bị			70.0	70.0	Trúng tuyển
26	Trần Thế Thùy	Loan	43	2	2	1984	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thế	Kế toán			95.0	95.0	Trúng tuyển
27	Nguyễn Hà Cẩm	Phụng	45	22	3	1997	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thế	Thư viện; Thư viện, thiết bị			60.0	60.0	Trúng tuyển
28	Huỳnh Thị	Chen	44	22	4	1970	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thế	Văn thư			56.7	56.7	Trúng tuyển
29	Lê Thị Mỹ	Linh	39	18	5	1992	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn			84.7	84.7	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
30	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	41	10	7	1999	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trực	Giáo viên dạy nhiều môn			83.0	83.0	Trúng tuyển
31	Nguyễn Gia	Linh	40	15	12	2000	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trực	Giáo viên dạy nhiều môn			75.3	75.3	Trúng tuyển
32	Tân Tuệ	Tú	42	19	5	1993	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trực	Văn thư			82.7	82.7	Trúng tuyển
33	Trần Thị Cẩm	Duyên	26	22	01	1993	x	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Y tế			95.0	95.0	Trúng tuyển
34	Phạm Anh	Tú	23	22	9	1994		Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn			92.0	92.0	Trúng tuyển
35	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	20	26	12	1994	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn			75.0	75.0	Trúng tuyển
36	Trần Ngọc Tuyết	Nhi	22	9	7	1995	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn			75.0	75.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
37	Lê Thanh	Phong	21	29	11	2000		Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy Thể dục			95.0	95.0	Trúng tuyển
38	Lê Duy	Đạt	35	9	10	1997		Trường Tiểu học Tạ Uyên	Giáo viên dạy Thể dục			68.3	68.3	Trúng tuyển
39	Đặng Hoài	My	18	18	12	2000	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy nhiều môn			80.0	80.0	Trúng tuyển
40	Lâm Ngọc	Liên	17	01	01	1998	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy Thể dục			66.8	66.8	Trúng tuyển
41	Lê Trung	Hào	16	30	12	1996		Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy Thể dục			58.0	58.0	Trúng tuyển
42	Nguyễn Thị Huyền	Trân	37	07	08	1997	X	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Giáo viên dạy nhiều môn			79.0	79.0	Trúng tuyển
43	Huỳnh Thiên	Thanh	38	20	01	1994	X	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Giáo viên dạy nhiều môn			61.0	61.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
44	Đỗ Thị	Dện	46	05	5	1987	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Địa lý			66.3	66.3	Trúng tuyển
45	Trần Thị Huỳnh	Tiên	47	01	01	2000	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Sinh học			65.0	65.0	Trúng tuyển
46	Đặng Nguyễn Thị Mỹ	Linh	49	07	12	1998	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Giáo dục công dân			76.5	76.5	Trúng tuyển
47	Huỳnh Thanh	Phước	50	10	10	2000		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Thể dục			65.0	65.0	Trúng tuyển
48	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	51	01	01	1998	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Thể dục			52.0	52.0	Trúng tuyển
49	Nguyễn Thị Mộng	Hồng	52	05	02	1978	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Văn thư			88.0	88.0	Trúng tuyển
50	Nguyễn Văn	Anh	110	2	10	2000	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Địa lý			60.0	60.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
51	Bùi Thị Thanh	Thúy	111	27	10	1986	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Kế toán			55.0	55.0	Trúng tuyển
52	Ngô Thị Tiểu	Yến	112	16	2	1990	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy tiếng Anh			50.0	50.0	Trúng tuyển
53	Phạm Minh	Phúc	69	27	6	1989		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán			83.7	83.7	Trúng tuyển
54	Bùi Thanh	Duy	84	1	1	1990	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán			82.7	82.7	Trúng tuyển
55	Ngô Thanh	Bình	83	13	7	1999		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán			81.0	81.0	Không trúng tuyển
56	Trần Hoàng	Nghi	70	13	5	1992		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Toán			75.0	75.0	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
57	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	75	18	2	1998	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa			85.0	85.0	Trúng tuyển
58	Nguyễn Ngọc Thu	Ngân	77	12	11	1992	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa			82.0	82.0	Không trúng tuyển
59	Nguyễn Thị	Tường	82	2	4	1990	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa			80.0	80.0	Không trúng tuyển
60	Thềm Ngọc Sơn	Tuyền	62	29	5	1998	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Hóa			68.0	68.0	Không trúng tuyển
61	Trần Đình	Thiện	72	20	1	1982		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Vật lý			87.0	87.0	Trúng tuyển
62	Trần Hoàng	Nhân	78	28	10	1992		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Mỹ thuật			79.7	79.7	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
63	Nguyễn Thị Thanh	Phuong	80	26	6	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Ngữ văn			63.0	63.0	Trúng tuyển
64	Đoàn Văn	Dẫn	86	22	10	1997		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Lịch sử			54.0	54.0	Trúng tuyển
65	Phạm Tấn	Dương	79	2	6	2000		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Địa lý			53.0	53.0	Trúng tuyển
66	Vương Trần Thùy	Dung	107	31	7	1991	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Ngữ văn			78.0	78.0	Trúng tuyển
67	Bùi Gia	Quân	109	01	6	1984		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Thiết bị, thí nghiệm			95.0	95.0	Trúng tuyển
68	Phạm Thị	Nga	53	26	02	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Vật lý			87.0	87.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
69	Võ Nguyễn	Bảo	54	15	08	1999		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Vật lý			85.0	85.0	Không trúng tuyển
70	Nguyễn Văn	Hân	55	27	05	1968		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Vật lý			51.0	51.0	Không trúng tuyển
71	Huỳnh Ngọc	Sang	56	01	06	1995		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Hóa			71.3	71.3	Trúng tuyển
72	Trần Minh	Phuong	60	20	07	1997	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy tiếng Anh			70.0	70.0	Trúng tuyển
73	Phan Thị Thanh	Quy	93	04	10	1996	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Sinh học			60.0	60.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
74	Vũ Thị	Duyên	96	06	02	2000	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Ngữ văn			70.7	70.7	Trúng tuyển
75	Nguyễn Văn	Thi	97	30	04	1990		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Mỹ thuật			55.0	55.0	Trúng tuyển
76	Nguyễn Thị Kim	Ngân	98	28	01	1989	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Kế toán			60.0	60.0	Trúng tuyển
77	Phan Thị Bích	Nhân	102	07	02	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Ngữ văn			81.7	81.7	Trúng tuyển
78	Dương Thiên	Phương	99	11	11	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Ngữ văn			67.0	67.0	Trúng tuyển
79	Đỗ Nguyễn	Duy	101	18	8	2000		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Vật lý			90.0	90.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
80	Hà Văn	Đăng	100	26	4	1998		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Vật lý			76.0	76.0	Không trúng tuyển
81	Lương Thị Tuyết	Nhung	103	10	11	1983	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ	Giáo viên dạy Tiếng Anh			60.0	60.0	Trúng tuyển
82	Ngô Thị Tuyết	Nhung	105	4	10	1990	x	Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Kế toán			67.0	67.0	Trúng tuyển
83	Nguyễn Huỳnh Bình	An	104	5	11	1997		Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Giáo viên dạy Thể dục			77.3	77.3	Trúng tuyển
84	Nguyễn Thị	Nga	116	23	1	1988	x	Trung tâm GDNN - GDTX	Giáo viên dạy Toán			90.0	90.0	Trúng tuyển
85	Nguyễn Ngọc	Son	114	13	11	1992		Trung tâm GDNN - GDTX	Giáo viên dạy Toán			85.3	85.3	Không trúng tuyển
86	Nguyễn Quốc	Sinh	117	25	5	1985		Trung tâm GDNN - GDTX	Giáo viên dạy Toán			83.3	83.3	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
87	Trần Nguyễn Anh	Khoa	115	20	5	1987		Trung tâm GDNN - GDTX	Giáo viên dạy Toán			44.0	44.0	Không trúng tuyển
88	Võ Văn	Thành	120	17	8	1998		Trung tâm GDNN - GDTX	Giáo vụ			95.0	95.0	Trúng tuyển
89	Nguyễn Bá	Đạt	121	5	4	1989		Trung tâm GDNN - GDTX	Giáo vụ			14.0	14.0	Không trúng tuyển
90	Trần Hoàng	Son	122	7	3	1997		Trung tâm GDNN - GDTX	Đào tạo nghề, hướng nghiệp			67.0	67.0	Trúng tuyển

Danh sách có 90 (chín mươi) người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ 